

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2020/DS-ST

Ngày 27/8/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn.

2. Ông Nguyễn Văn Tư.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2020/TLST-DS ngày 09/6/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐXXST – DS ngày 20/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2020/QĐST-DS ngày 06/8/2020 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Hà Thị N, sinh năm 1967

Địa chỉ: Nhà số 64, phố Q, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị đơn:*** Chị Vũ Thị H, sinh năm 1979

Địa chỉ 1: đường T, tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ 2: Số A, đường N, tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

(Bà N có mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà HÀ THỊ N trình bày:***

Bà và chị Vũ Thị H có mối quan hệ làm ăn từ lâu, ngày 01/02/2002 chị H có hỏi vay tiền để trả nợ tiền mua nhà đất nên bà cho vay 14.000.000 đồng và chị H ghi giấy nợ với nội dung “*Nợ chị N mười bốn triệu chẵn*”, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, nhưng là thỏa thuận miệng mà không ghi vào giấy, cho vay không tính thời hạn, bao giờ bà đòi tiền thì chị H trả. Sau

này chị H trả mỗi lúc một ít và trả bằng hàng hóa là quần áo, tính đến ngày 25/9/2006 chị H trả được 2.000.000 đồng và ghi vào cùng giấy nợ ngày 01/2/2002 cho bà, mặc dù chị H ghi số nợ còn 12 triệu nhưng bà xác định số tiền này là trả lãi chứ chưa trả được đồng nào tiền vay gốc. Do đó bà yêu cầu chị H phải trả 14.000.000 đồng tiền vay, đối với tiền lãi bà yêu cầu chị H trả bà mức lãi suất 20%/năm, tức 16,6%/tháng tính từ ngày 01/2/2002 và trừ đi số tiền lãi 2.000.000 đồng chị H đã trả cho bà.

** Bị đơn là chị Vũ Thị H trong quá trình giải quyết vụ án, được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt và không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án.*

Quá trình giải quyết vụ án, Bà N xác định chị H có địa chỉ tại đường Trần Đăng Tuyển, tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Tòa án xác minh tại địa phương, tại tổ dân phố C, phường T, thành phố B được địa phương cung cấp chị Vũ Thị H thường xuyên cư trú và sinh sống tại Số 37, ngõ 25, đường N, tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa:

Bà N yêu cầu buộc chị H phải trả số tiền 12.000.000 đồng, rút yêu cầu đòi tiền lãi đối với bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết đối với vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt trong toàn bộ các phiên họp hòa giải, công khai chứng cứ và các phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Buộc chị Vũ Thị H phải trả bà Hà Thị N 12.000.000 đồng.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ đối với yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn đối với bị đơn.

5. Về án phí:

- Buộc chị Vũ Thị H phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả bà Hà Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật giải quyết vụ án:

Bà Hà Thị N khởi kiện đòi tiền nợ đối với chị Vũ Thị H theo thủ tục Tòa án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B, quan hệ pháp luật xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về áp dụng pháp luật

Hợp đồng tranh chấp giữa các bên được ký kết năm 2002, tuy nhiên nội dung và hình thức phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[1.3] Về sự vắng mặt bị đơn: Bị đơn là chị H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228, xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, nguyên đơn là Bà N rút một phần yêu cầu đòi tiền vay, chỉ yêu cầu buộc bị đơn là chị H có nghĩa vụ trả 12.000.000 đồng tiền còn nợ, tài liệu chứng minh Bà N cung cấp là 01 giấy bản viết vay có nội dung ghi “H + C..Nợ chị N mười bốn triệu chẵn...H C 1/2/2002....25/9/2006...còn 12'000 mười hai triệu chẵn” cuối văn bản ghi chữ “H”, Bà N khai nội dung này do chị H viết khi vay và khi trả được 2.000.000 đồng. Phía bị đơn không có ý kiến, quan điểm gì phản đối yêu cầu của nguyên đơn nên cần chấp nhận với yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nguyên đơn 12.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu về lãi của nguyên đơn, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xin rút yêu cầu này nên cần đình chỉ đối với yêu cầu đòi lãi của nguyên đơn.

[2.2] Về lãi suất chậm thi hành án: Do vắng mặt bị đơn nên không thỏa thuận được mức lãi suất chậm thi hành án. Do đó, áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tuyên về lãi suất chậm thi hành án.

[2.3] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Đối với tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp, cần trả lại cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 275, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận câu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hà Thị N.

2. Buộc chị Vũ Thị H có nghĩa vụ trả bà Hà Thị N 12.000.000 đồng theo giấy viết tay ngày 01/02/2002.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu đòi tiền lãi của bà Hà Thị N đối với chị Vũ Thị H

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

- Buộc chị Vũ Thị H phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả bà HÀ THỊ N 1.583.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001324 ngày 08/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND T. Bắc Giang
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Mạnh Thắng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA